

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2025

Về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thao và ông Đào Văn Hoàn

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa

án - Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:

Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX ngày 11 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐ-HPT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số nhà B ngách I tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Vũ Xuân T1**, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

(Chị T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Vũ Xuân T1 được tự do tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 09/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị phải khởi kiện ly hôn là do anh T1 mãi mê đua đòi chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần chồng chất, bản thân chị và bố mẹ anh T1 phải trả nợ thay cho anh T1 nhiều lần, anh T1 còn mang xe máy của bố đẻ của anh T1 và xe máy của chị đi cầm cố nhiều lần, gia đình chuộc về thì anh T1 lại đem đi cầm cố. Hàng ngày anh T1 bỏ đi đâu đó chị không biết, thương xuyên vắng nhà thời gian dài. Bản thân chị và bố mẹ hai bên nội ngoại đều khuyên giải nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, không quan tâm, không có trách nhiệm gì với vợ con và gia đình, không tu chí làm ăn để phát triển kinh tế gia đình mà phó mặc cho chị phải lo toan gánh vác mọi chuyện lớn nhỏ trong nhà khiến chị cảm thấy rất mệt mỏi. Do lối sống của anh T1 khiến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách và ly thân nhau đến nay khoảng gần 4 năm nay, mâu thuẫn ngày càng trở lên căng thẳng trầm trọng, làm ảnh hưởng đến tinh thần của bố mẹ và ảnh hưởng đến tư tưởng của chị, chị là người đất khách quê người lấy chồng nhưng không được chồng thương yêu, bao bọc, cuộc sống hàng ngày chỉ chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng, còn anh T1 nay đây mai đó, chị không biết tâm sự chia sẻ với ai. Do áp lực cuộc sống vợ chồng nên chị đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại số nhà B ngách I tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang từ tháng 4/2024 cho đến nay. Trong suốt thời gian này anh T1 không hề liên lạc hay thăm nom gì đến con. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 càng sớm càng tốt. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 người con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 24/7/2019, hiện con chung đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay chị có nguyện vọng và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con và chị tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng tôi. Hiện nay chị có công việc làm là kế toán, làm cho các doanh nghiệp tại Cụm K, S, tỉnh Tuyên Quang, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng. Ngoài ra, mẹ con chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị

của chị, có chỗ ở rộng rãi, thoáng mát và có đầy đủ các tiện nghi phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Bố mẹ chị vẫn còn trẻ, khỏe hỗ trợ giúp đỡ chị trong việc đưa đón con của chị đi học hàng ngày. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về số tiền án phí, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài những vấn đề trên, chị T còn xác định do vợ chồng mâu thuẫn chị về ngoại ô và thông qua bố mẹ đẻ của anh T1, chị được biết anh T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng nhưng anh T1 có nói sẽ không đến trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn với chị. Việc anh T1 không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án là cố tình gây khó khăn với chị, biết chị sinh sống tại Tuyên Quang, đường xá xa xôi, đi lại khó khăn khoảng 7-8 tiếng mới đến Tòa án Cẩm Giàng nên chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

* Bị đơn: (anh Vũ Xuân T1) vắng mặt tại trụ sở Tòa án trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tuy nhiên, thông qua bà Phạm Thị T2 là mẹ đẻ của anh T1 chung sống cùng nhà với anh T1 trình bày trước sự chứng kiến của ông Phạm Văn L - trưởng thôn như sau: Anh T1 và chị T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, được hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T1 và chị T sống chung cùng gia đình bà nhưng trong cuộc sống hàng ngày anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Mặt khác, nguyên nhân chính là do anh T1 chơi bời dẫn đến nợ nần, gia đình đã phải trả nợ thay cho anh T1 nhiều lần nhưng sau mỗi lần hy vọng anh T1 thay đổi. Nhưng thực tế, anh T1 không những không thay đổi mà ngày càng hư hỏng hơn, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị T không thể chịu đựng được, đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 01 năm, trong suốt thời gian anh chị sống ly thân thì chị T không còn quan tâm đến cuộc sống của anh T1, anh T1 cũng không quan tâm đến chị T và con chung. Vì vậy chị T đã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Vợ chồng anh T1 và chị T có 01 con chung hiện chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung ai. Trong cuộc sống hàng ngày anh T1 đi làm ăn ở đâu bà không được biết, gia đình có công việc gì điện thoại thì anh T1 về xong lại đi. Khi Tòa án thụ lý vụ án có gửi các văn bản về gia đình bà, bà là người nhận và gửi lại cho anh T1 nhận, anh T1 không có ý kiến gì. Nay, bà được biết chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 và tiếp tục nuôi dưỡng con, tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T,

bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi ích của cháu nhỏ; về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, bà cho biết vợ chồng anh T1, chị T không có tài sản chung là nhà, đất tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

** Tại biên bản xác minh tại thôn V, xã C, đại diện khu dân cư cung cấp thông tin:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Xuân T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương vào 09/4/2019. Sau khi kết hôn anh chị đang sinh sống tại địa phương, tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày của vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết cụ thể, chị T anh T1 và gia đình anh T1 không báo cáo với chính quyền địa phương nên địa phương không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn vợ chồng anh chị. Tuy nhiên, thông qua những người sống xung quanh với gia đình anh T1, được biết anh T1 và chị T đã sống ly thân nhiều năm, mẹ con chị T đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, còn anh T1 đi làm ăn xa nhà, sinh sống và làm việc tại địa chỉ cụ thể nào lãnh đạo khu dân cư không biết, thi thoảng anh T1 có về gia đình 1-2 ngày sau đó lại đi. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét đến mâu thuẫn của anh chị để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật, thực tế anh chị đã không còn chung sống một nhà khoảng thời gian hơn 01 năm. Trường hợp vợ chồng anh T1, chị T không thể đoàn tụ được với nhau thì Tòa án giải quyết cho ly hôn để cả hai được ổn định cuộc sống riêng của mỗi người. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

** Tại biên bản xác minh Công an xã C, huyện C cung cấp thông tin:* Tại cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thể hiện anh Vũ Xuân T1, sinh năm 1989, có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, các thành viên khác trong gia đình anh T1 có chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988 có quan hệ là vợ của anh T1, cháu Vũ Minh K, sinh ngày 24/7/2019 có quan hệ là con đẻ của anh T1 và chị T. Tuy nhiên, hiện tại anh T1 không có mặt thường xuyên tại địa phương, thi thoảng có về bố mẹ đẻ của anh T1 tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, anh T1 làm gì ở đâu công an xã không nắm được, anh T1 không làm thủ tục khai báo tạm vắng tại Công an xã nên Công an xã không biết anh T1 đang sinh sống ở đâu. Ngoài ra không cung cấp thông tin gì khác.

Tại phiên toà, chị T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, tại nội dung đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án xử cho chị được ly hôn với anh T1, giao con là Vũ Minh K cho chị tiếp tục nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu

anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác. Anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn anh Vũ Xuân T1. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 24/7/2019 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Vũ Xuân T1 hiện cư trú tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị

đơn là phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn:* Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Xuân T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2019 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương nên xác định quan hệ của chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được nói chung, không cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm, liên lạc hay có trách nhiệm gì với nhau. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị T và anh T1 không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định chị T và anh T1 có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 24/7/2019, đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, con nhỏ là cháu K còn nhỏ, chị T chăm sóc nuôi dưỡng con hoàn toàn phát triển về trí não tốt, đi học như bao đứa trẻ bình thường nay chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng người mẹ đối với con. Mặt khác, anh T1 không có mặt tại địa phương, làm việc và sinh sống ở đâu không ai biết nên nguyện vọng của chị T hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế của mẹ con chị T. Việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Xét, hiện nay chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định hàng tháng, với mức thu nhập trung bình mỗi tháng trên dưới khoảng 10 triệu đồng, chị làm là kế toán cho các doanh nghiệp tại Cụm K, S, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, mẹ con chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị, có chỗ ở rộng rãi, thoáng mát và có đầy đủ các tiện nghi phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Bố mẹ chị còn trẻ, khỏe hỗ trợ giúp đỡ chị trong việc đưa đón con chị đi học hàng ngày. HĐXX xác định với mức thu nhập của chị T đang sinh sống với chị T đủ khả năng nuôi dưỡng con, hoàn toàn đảm bảo

cuộc sống cho mẹ con chị nên sự tự nguyện của chị T phù hợp pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình*: Chị T xác định vợ chồng không có nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị T và anh T1 đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn anh Vũ Xuân T1.

2. *Về con chung*: Xử giao con là Vũ Minh K, sinh ngày 24/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị T.

Anh Vũ Xuân T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0007345 ngày 02/01/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Vũ Xuân T1 đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Chi Cục thi hành án DS huyện Cẩm

Giăng;

- Những người tham gia tổ tụng;

- UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giăng,

tỉnh Hải Dương (Kết hôn ngày 09/4/2019);

- Lưu hồ sơ vụ án;

- Lưu VP Tòa án..

(Đã ký)

Trương Thị Tổ Uyên